

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/DS-ST
Ngày 21-5-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Bé.
2. Ông Hồ Xuân Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T1 – sinh năm 1973;

HKTT: Ấp B, xã V1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: thị trấn V2, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 – sinh năm 1980;

Cư trú tại: thị trấn V2, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh Nguyễn Hoàng A – sinh năm 1974;

Cư trú tại: Ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T1 và anh A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 trình bày: Chị có tham gia 04 dây hui do chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 làm chủ cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất khai ngày 20/9/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có tất cả 23 phần, chị tham gia 01 phần, chị đóng được 09 kỳ hụi sống với tổng số tiền là 13.500.000 đồng.

- Dây thứ hai khai ngày 06/3/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 25 phần, chị tham gia 01 phần. Chị đóng được 04 kỳ hụi sống với tổng số tiền là 2.805.000 đồng.

- Dây thứ ba khai ngày 15/11/2015 âm lịch, loại hụi 300.000 đồng/tháng, có 22 phần, chị tham gia 02 phần. Chị đã đóng được 20 kỳ hụi sống cho mỗi phần hụi với tổng số tiền là 9.150.000 đồng.

- Dây thứ 4 khai ngày 11/10/2016 âm lịch, loại hụi 100.000/tuần, có 50 phần, chị tham gia 02 phần. Chị đã đóng được 35 kỳ cho mỗi phần hụi với tổng số tiền là 3.002.000 đồng.

Tất cả các phần hụi mà chị tham gia trong 04 dây hụi nêu trên chị đều chưa hốt hụi thì chị Tuyết T1 tuyên bố bỏ hụi. Tổng số tiền hụi chị đã đóng cho chị Tuyết T1 là 28.497.000 đồng.

Ngoài ra, chị Tuyết T1 còn tham gia chơi 02 dây hụi do chị làm chủ cụ thể:

- Dây thứ nhất khai ngày 15/10/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có tất cả 16 phần, chị Tuyết T1 tham gia 02 phần và chị T2 hốt 01 phần hụi vào ngày 15/3/2017 với số tiền là 25.000.000 đồng, phần hụi thứ 2 chị Tuyết T1 hốt vào ngày 15/5/2017 với số tiền hốt là 25.760.000 đồng. Sau khi hốt các phần hụi, chị Tuyết T1 đóng cho chị hụi chết đến tháng 06/2017 âm lịch (tháng 06 đầu của năm 2017) thì ngưng. Trong dây hụi này chị Tuyết T1 còn nợ chị 07 kỳ hụi chết cho mỗi phần hụi với số tiền là 28.000.000 đồng.

- Dây thứ hai khai ngày 15/10/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 16 phần, chị Tuyết T1 tham gia 02 phần. Chị Tuyết T1 đã hốt phần hụi đầu vào ngày 15/3/2017 âm lịch với số tiền là 25.000.000 đồng, phần hụi thứ 2 chị Tuyết T1 hốt vào ngày 15/5/2017 âm lịch với số tiền là 25.760.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị Tuyết T1 đóng hụi chết đến tháng 6/2017 âm lịch (tháng 6 đầu tiên của năm 2017) thì ngưng. Trong dây hụi này chị Tuyết T1 còn nợ chị 07 kỳ hụi chết cho mỗi phần hụi với số tiền là 28.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi chị đã đóng cho chị Tuyết T1 và tiền hụi chết mà chị Tuyết T1 còn nợ chị là 84.497.000 đồng.

Qua đối chiếu hụi giữa chị Thu T2 và chị Tuyết T1 vào ngày 27/02/2018 thì chị Thu T2 và chị Tuyết T1 thống nhất số tiền hụi chị Tuyết T1 còn nợ chị Thu T2 là 87.104.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện chị Thu T2 yêu cầu chị Tuyết T1 trả cho chị số tiền 84.497.000 đồng, thực hiện trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2017 bị đơn chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 trình bày: Chị Thu T2 có tham gia 04 dây hụi do chị làm chủ cụ thể:

- Dây thứ nhất khai ngày 20/9/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có tất cả 23 phần, chị Thu T2 tham gia 01 phần, chị Thu T2 đóng được 09 kỳ hụi sống với số tiền là 13.090.000 đồng.

- Dây thứ hai khai ngày 06/3/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 25 phần, chị Thu T2 tham gia 01 phần và chị Thu T2 đóng được 04 kỳ hụi sống với số tiền là 2.810.000 đồng.

- Dây thứ ba khai ngày 15/11/2015 âm lịch, loại hụi 300.000 đồng/tháng, có tất cả 22 phần, chị Thu T2 tham gia 02 phần và chị Thu T2 đóng được 20 kỳ hụi sống cho mỗi phần hụi với tổng số tiền là 9.379.000 đồng.

- Dây thứ tư khai ngày 11/10/2016 âm lịch, loại hụi 100.000 đồng/01 tuần, có tất cả 50 phần, chị Thu T2 tham gia 02 phần và đóng được 36 kỳ cho mỗi phần hụi với tổng số tiền là 5.825.000 đồng.

Tất cả các phần hụi nêu trên, chị Thu T2 đều chưa hốt hụi thì hụi bị bể, tổng số tiền hụi chị Thu T2 đã đóng cho chị là 31.104.000 đồng.

Ngoài ra chị có tham gia 02 dây hụi do chị Thu T2 làm chủ, cụ thể:

- Dây thứ nhất khai ngày 15/10/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 16 phần, chị tham gia 02 phần. Chị đã hốt phần hụi thứ nhất vào ngày 15/3/2017 âm lịch và hốt được 25.000.000 đồng. Phần hụi thứ hai hốt vào ngày 15/5/2017 âm lịch và hốt được 25.760.000 đồng. Trong dây hụi này chị còn nợ chị Thu T2 14 kỳ hụi chết cho cả 02 phần hụi với số tiền là 28.000.000 đồng.

- Dây thứ hai khai ngày 15/10/2016 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 16 phần, chị đã tham gia 02 phần và cả 02 phần hụi chị tham gia chị đều đã hốt. Trong dây hụi này chị còn nợ chị Thu T2 14 kỳ hụi chết với tổng số tiền là 28.000.000 đồng.

Chị còn nợ chị Thu T2 số tiền 56.000.000 đồng tiền hụi chết trong 02 dây hụi do chị T2 làm chủ.

Chị Tuyết T1 thừa nhận hiện nay chị còn nợ chị Thu T2 tổng số tiền hụi chị Thu T2 đóng cho chị và số tiền hụi chết chị còn nợ chị Thu T2 là 87.104.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả cho chị Thu T2 số tiền 87.104.000 đồng nhưng trả 01 lần chị không khả năng, chị Tuyết T1 xin được trả dần mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thu T2 vẫn giữ yêu cầu đòi chị Tuyết T1 trả số tiền nợ hụi theo sổ theo dõi của chị là 84.497.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi. Chị không yêu cầu chị Tuyết T1 trả số tiền 87.104.000 đồng theo sổ theo dõi và thừa nhận của chị Tuyết T1 tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2018.

Anh A là đại diện ủy quyền của chị Tuyết T1 thống nhất số tiền hụi chị Tuyết T1 còn nợ chị Thu T2 là 84.497.000 đồng, chị Tuyết T1 đồng ý trả số tiền

84.497.000 đồng, nhưng trả 01 lần chị Tuyết T1 không có khả năng. Số tiền chị Tuyết T1 nợ của chị Thu T2 là do chị Tuyết T1 cho những người khác vay, hiện chị Tuyết T1 đang kiện để thu hồi nợ, khi nào chị Tuyết T1 thu hồi được nợ sẽ trả số tiền trên cho chị Thu T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thu T1 khởi kiện đòi chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 trả số tiền hội 84.497.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng góp hội theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thu T2 đòi chị Tuyết T1 trả số tiền hội 84.497.000 đồng. Hội đồng xét xử xét, thấy chị Thu T2 có tham gia 04 dây hội do chị Tuyết T1 làm chủ gồm dây hội khui ngày 20/9/2016 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng/tháng, chị Thu T2 tham gia 01 phần; dây hội khui ngày 06/3/2017 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, chị Thu T2 tham gia 01 phần; dây hội khui ngày 15/11/2015 âm lịch, loại hội 300.000 đồng/tháng, chị Thu T2 tham gia 02 phần; dây hội khui ngày 11/10/2016 âm lịch, loại hội 100.000 đồng/01 tuần, chị Thu T2 tham gia 02 phần. Các phần hội chị Thu T2 tham gia chị Thu T2 đều chưa hót thì hội bị bể. Ngoài ra thì chị Tuyết T1 còn tham gia 02 dây hội do chị Thu T2 làm chủ gồm dây hội khui ngày 15/10/2016 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng/tháng, chị Tuyết T1 tham gia 02 phần và dây hội khui ngày 15/10/2016 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng/tháng, chị Tuyết T1 tham gia 02 phần. Tất cả các phần hội chị Tuyết T1 tham gia chị Tuyết T1 đều đã hót và còn nợ chị Thu T2 07 kỳ hội chết cho mỗi phần hội với tổng số tiền là 56.000.000 đồng. Qua đối chiếu hội giữa chị Thu T2 và chị Tuyết T1 vào ngày 27/02/2017 chị Tuyết T1 thừa nhận chị Tuyết T1 hiện nay còn nợ chị Thu T2 tổng số tiền hội là 87.104.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thu T2 yêu cầu chị Tuyết T1 trả số tiền hội 84.497.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Thu T2 đối với chị Tuyết T1 là có cơ sở bởi lẽ chị Tuyết T1 thừa nhận còn nợ chị Thu T2 tổng số tiền hội là 87.104.000 đồng, nhưng chị Thu T2 chỉ đòi chị Tuyết T1 trả số tiền 84.497.000 đồng, đồng thời tại phiên tòa anh A là đại diện ủy quyền của chị Tuyết T1 trình bày phía chị Tuyết T1 thừa nhận và thống nhất còn nợ chị Thu T2 số tiền 84.497.000 đồng, chị Tuyết T1 đồng ý trả số tiền 84.497.000 đồng theo yêu cầu của chị Thu T2. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thu T2 đòi chị Tuyết T1 trả cho chị số tiền 84.497.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi: Chị Thu T2 không yêu cầu chị Tuyết T1 trả lãi đối với số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét về thời gian trả: Chị Thu T2 yêu cầu chị Tuyết T1 trả số tiền 84.497.000 đồng làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa,

anh A là đại diện ủy quyền của bị đơn chị T2 xin được khi nào thu hồi được các khoản nợ mà người khác nợ chị Tuyết T1 xong sẽ trả cho chị Thu T2 số tiền trên nhưng chị Thu T2 không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy chị Tuyết T1 nợ chị Thu T2 số tiền lớn nhưng chị Tuyết T1 không xác định được cụ thể thời gian trả nợ, đồng thời nghĩa vụ trả nợ của những người nợ chị Tuyết T1 không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của chị Tuyết T1 đối với chị Thu T2, việc chị Tuyết T1 nợ chị Thu T2 số tiền hui chị Thu T2 đã đóng và số tiền hui chết mà chị Tuyết T1 phải có nghĩa vụ đóng lại cho chị Thu T2 đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui và của hui viên khác đã gây thiệt thòi đến quyền lợi ích hợp pháp của chị Thu T2. Do đó, cần buộc chị Tuyết T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Thu T2 số tiền 84.497.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Bị đơn chị Tuyết T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T1 đối với chị Lâm Nguyễn Tuyết T2.

Buộc chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền hui là 84.497.000 đồng (tám mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng), thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Thu T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Tuyết T1 chậm trả số tiền nêu trên thì chị Tuyết T1 phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Án phí: Chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 phải chịu 4.224.850 đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền 2.112.425 đồng (hai triệu một trăm mười hai nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 39095 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh